

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC TRỌNG
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 44/2024/DS-ST

Ngày: 16 – 7 – 2024

V/v “Tranh chấp quyền sử
dụng đất”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC TRỌNG, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Lan Hương
- Ông Lê Văn Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thảo Trang – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 02/2023/TLST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2023, về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2024/QĐST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2024/QĐST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Hồng Hằng N, sinh năm: 1997.

Địa chỉ: TDP X, phường C, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phạm Huyền T, sinh năm: 2000, địa chỉ: Số Y, đường H, tổ dân phố Đ, thị trấn V, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Là người đại diện theo ủy quyền theo giấy ủy quyền ngày 06/12/2022 (có mặt tại phiên tòa).

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị Thu V, sinh năm: 1982.

Địa chỉ: Hẻm E, tổ D, thị trấn N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (có mặt tại phiên tòa).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Phạm Văn S, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Hẻm E, tổ D, thị trấn N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt tại phiên tòa).

3.2. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Hẻm E, tổ D, thị trấn N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt tại phiên tòa).

3.3. Ông Phạm Minh N1, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Hẻm E, tổ D, thị trấn N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19 tháng 12 năm 2022 nguyên đơn là bà Phạm Hồng Hằng N, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Phạm Huyền T đều trình bày:

Bà Phạm Hồng Hằng N là chủ sở hữu đối với diện tích đất 125m² thuộc thửa đất số 761, tờ bản đồ số 100, tại thị trấn N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 892634 ngày 13/12/2018. Nguồn gốc đất bà N nhận chuyển nhượng từ bà Nguyễn Thị Quảng H và đã được cập nhật tại trang IV trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 10/10/2019. Sau khi nhận chuyển nhượng thì bà N đã nhận đất. Đến năm 2022 bà N có nhu cầu sử dụng đất, bà N làm thủ tục cắm mốc tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ để đo đạc định vị diện tích đất thì phát hiện ranh thửa 762, tờ bản đồ số 100, tại thị trấn N, huyện Đ chủ sử dụng đất là bà Phạm Thị Thu V xây dựng nhà ở lấn vào ranh đất của bà N phía mặt tiền khoảng 60cm, phía cuối đất khoảng 10cm, tổng diện tích lấn chiếm sau khi đo đạc là 9,06m². Khi phát hiện bà N đã chủ động qua nhà bà V nói chuyện và thương lượng với gia đình bà V nhưng gia đình bà V không có thiện chí hợp tác.

Ngày 14/7/2022 Ủy ban nhân dân thị trấn N tiến hành hòa giải tranh chấp đất đai giữa hai bên nhưng hai bên không thống nhất được với nhau nên buổi hòa giải không thành.

Nay bà Phạm Hồng Hằng N yêu cầu bà Phạm Thị Thu V phải tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng thuộc phần diện tích đất lấn chiếm 9,06m², thuộc thửa đất số 761, tờ bản đồ số 100, tại thị trấn N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng và yêu cầu bà V trả lại phần diện tích đất 9,06m², thuộc thửa đất số 761, tờ bản đồ số 100, tại thị trấn N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng cho bà N. Ngoài ra bà N không có yêu cầu nào khác.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Phạm Thị Thu V trình bày:

Vào tháng 3/2022 ông Phạm Minh N1 là em trai bà có mua lô đất tại tổ dân phố D, thị trấn N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Đến tháng 5/2022 ông N1 tặng lại cho bà để làm nhà cho cha mẹ ở. Khi làm nhà gia đình căn cứ theo khoản 2 Điều 89 Luật xây dựng năm 2014 quy định xây dựng nhà ở dưới 7 tầng và có quy hoạch 1/500 thì không phải xin Giấy phép xây dựng.

Khi làm nhà gia đình bà căn cứ vào hiện trạng của khu đất đã được phân lô, gia đình căn cứ mốc đầu tiên từ nhà ông Đ là nhà cuối cùng của lô đất đã được xây dựng cách đây 05 năm làm chuẩn, ông Đ cho biết ông làm nhà là đúng theo mốc cắm của người đứng tên phân lô. Từ đó gia đình bà lấy mốc nhà ông Đ làm chuẩn và trừ ra 25m ngang của 05 lô liền kề phía trong nhà bà và có 04 lô ngang mỗi lô 5m là 20m và 01 lô dọc chiều dài là 25m cộng với 0.5m lộ giới. Như vậy, phía trong và phía ngoài nhà bà đất của các lô vẫn đủ. Khi bà bị chủ thửa đất 761 là bà N báo bà làm nhà sai vị trí, sai tọa độ lấn qua thửa 761 thì cán bộ địa chính thị trấn N xuống kiểm tra, đo đạc, số đất chừa lại vẫn đủ cho các lô khác.

Theo bà khi phân lô thửa đất này sẽ căn cứ vào đường chính làm mốc còn tọa độ như thế nào thì bà không rõ vì trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cơ quan nhà nước cấp không ghi tọa độ nên bà không được biết tọa độ thế nào.

Nay bà Phạm Hồng Hằng N yêu cầu phải tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng thuộc phần diện tích đất lấn chiếm $9,06m^2$, thuộc thửa đất số 761, tờ bản đồ số 100, tại thị trấn N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng và yêu cầu bà trả lại phần diện tích đất $9,06m^2$, thuộc thửa đất số 761, tờ bản đồ số 100, tại thị trấn N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng cho bà N thì bà không đồng ý vì trên phần diện tích $9,06m^2$ gia đình bà đã xây dựng công trình xây dựng kiên cố, nếu tháo dỡ sẽ ảnh hưởng đến kết cấu ngôi nhà nên bà đồng ý thanh toán bằng giá trị cho bà N theo giá trị trong chứng thư thẩm định giá.

Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Văn S thống nhất với trình bày của bị đơn và trình bày:

Ông là cha đẻ của bà Phạm Thị Thu V. Hiện nay ông và vợ là bà Nguyễn Thị N và con trai là Phạm Minh N1 đang sinh sống tại thửa đất số 762, tờ bản đồ số 100, tọa lạc tại thị trấn N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Thửa đất trên là của vợ chồng ông bỏ tiền ra mua cho con trai Phạm Minh N1 vào cuối năm 2021, sau đó Phạm Minh N1 tặng cho Phạm Thị Thu V đứng tên chủ sở hữu để thuận tiện cho việc vay vốn Ngân hàng.

Tháng 02/2022 gia đình ông làm nhà ở, khi làm nhà gia đình không xin

Giấy phép xây dựng, khi bên nguyên đơn khởi kiện tranh chấp đất đai tại UBND thị trấn N thì Ủy ban nhân dân thị trấn N mới xử phạt hành chính gia đình ông do xây dựng không xin giấy phép.

Khi làm nhà gia đình ông căn cứ vào hiện trạng của khu đất đã được phân lô, gia đình căn cứ mốc đầu tiên từ nhà ông Đ là nhà trong cùng của lô đất đã được xây dựng cách đây 05 năm làm chuẩn, ông Đ cho biết ông làm nhà là đúng theo mốc cắm của người đứng tên phân lô. Từ đó gia đình ông lấy mốc nhà ông Đ làm chuẩn và trừ ra 25m ngang của 05 lô liền kề phía trong nhà ông và có 04 lô ngang mỗi lô 5m là 20m và 01 lô dọc chiều dài là 25m cộng với 0.5m lộ giới. Như vậy, phía trong và phía ngoài nhà ông đất của các lô vẫn đủ. Khi ông bị chủ thửa đất 761 là bà N báo ông làm nhà sai vị trí, sai tọa độ lấn qua thửa 761 thì cán bộ địa chính thị trấn N xuống kiểm tra, đo đạc, số đất chưa lại vẫn đủ cho các lô khác.

Theo ông khi phân lô thửa đất này sẽ căn cứ vào đường chính làm mốc còn tọa độ như thế nào thì ông không rõ vì trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cơ quan nhà nước cấp không ghi tọa độ nên ông không được biết tọa độ thế nào.

Nay bà Phạm Hồng Hằng N yêu cầu bà V phải tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng thuộc phần diện tích đất lấn chiếm $9,06m^2$, thuộc thửa đất số 761, tờ bản đồ số 100, tại thị trấn N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng và yêu cầu bà V trả lại phần diện tích đất $9,06m^2$, thuộc thửa đất số 761, tờ bản đồ số 100, tại thị trấn N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng cho bà N thì ông không đồng ý vì trên phần diện tích $9,06m^2$ gia đình ông đã xây dựng công trình xây dựng kiên cố, nếu căn nhà chưa đổ trụ, đổ mê thì ông sẵn sàng phá bỏ để trả lại diện tích đất cho bà N, tuy nhiên gia đình ông đã xây dựng rất kiên cố, nếu tháo dỡ sẽ ảnh hưởng đến kết cấu ngôi nhà, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn đồng ý sẽ thanh toán cho nguyên đơn số tiền 150.000.000 đồng tương đương với giá trị quyền sử dụng diện tích đất $9,06m^2$.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng quy định. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của đương sự: Đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Hồng Hằng N về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” đối với bị đơn bà Phạm Thị Thu V.

Bà Phạm Thị Thu V được quyền sở hữu, sử dụng diện tích đất 9.06m², thuộc một phần thửa đất số 761, tờ bản đồ số 100, tại thị trấn N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Bà Phạm Thị Thu V có nghĩa vụ thanh toán cho bà Phạm Hồng Hằng N số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Bà N, bà V có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Xuất phát từ việc nguyên đơn bà Phạm Hồng Hằng N yêu cầu bị đơn bà Phạm Thị Thu V trả lại diện tích đất 9,06m², thuộc thửa đất số 761, tờ bản đồ số 100, thị trấn N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, bị đơn không đồng ý nên phát sinh tranh chấp. Vì vậy, Tòa án xác định đây là vụ án “Tranh chấp quyền sử dụng đất” giữa nguyên đơn bà Phạm Hồng Hằng N và bị đơn bà Phạm Thị Thu V; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn S, bà Nguyễn Thị N, ông Phạm Minh N1 theo quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối tượng tranh chấp là bất động sản tọa lạc tại thị trấn N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

[1.2] Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn bà N vắng mặt nhưng có người đại diện hợp pháp có mặt tham gia phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông S, bà N, ông N1 vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự vắng mặt.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về nguồn gốc đất: Thửa đất số 761, tờ bản đồ số 100, thị trấn N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, diện tích 125m² (gọi tắt là thửa 761) có nguồn gốc của ông Phan Quang T được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp đổi từ Giấy chứng nhận số CO 977652 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 21/11/2018 (do tách thửa đất). Ngày 19/4/2019 ông Phan Quang Trung chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Quảng H. Ngày 10/10/2019 bà

Nguyễn Thị Quảng Hà chuyển nhượng cho bà Phạm Hồng Hằng N, việc chuyển nhượng đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ đăng ký biến động tại trang IV trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 892634 vào ngày 10/10/2019.

[2.2] Về quá trình sử dụng đất: Sau khi nhận chuyển nhượng bà N đã nhận đất nhưng chưa sử dụng, đến năm 2022 bà N có nhu cầu sử dụng nên đã tiến hành thủ tục cắm mốc, định vị lại diện tích đất tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ đối với thửa đất 761 thì phát hiện ranh thửa đất 762, tờ bản đồ số 100, tại thị trấn N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (gọi tắt là thửa 762) chủ sử dụng là bà Phạm Thị Thu V xây dựng nhà ở lấn sang thửa đất 761 của bà N, mặt tiền chiều Nng khoảng 60m, phía cuối đất khoảng 10m, tổng diện tích lấn chiếm sau khi đo đạc là 9,06m².

[2.3] Về yêu cầu khởi kiện: Bà N yêu cầu bà V phải tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng thuộc phần diện tích đất lấn chiếm 9,06m², thuộc thửa đất số 761 để trả lại diện tích đất trên cho bà N.

Theo kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ thực hiện ngày 06/6/2023 thể hiện các điểm 2, 3, 6, 7 là phần diện tích tranh chấp (9,06m²), trong đó có khoảng 7.3m² là phần diện tích căn nhà trong phần đất tranh chấp, thuộc một phần thửa đất 761, tờ bản đồ 100, thị trấn N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà V thừa nhận trong quá trình xây nhà ở do không nhờ cơ quan chuyên môn đo đạc, định vị lại vị trí, diện tích thửa đất 762 mà chỉ đo bằng thước dây nên khi xây dựng nhà ở đã xây lấn sang thửa đất 761 của bà N, diện tích lấn chiếm sau khi đo đạc bị đơn thừa nhận là 9,06m². Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định bị đơn có lấn chiếm của nguyên đơn diện tích đất 9,06m² thuộc một phần thửa đất 761, tờ bản đồ 100, thị trấn N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua lời trình bày của các bên đương sự, xét thấy tuy phần diện tích đất tranh chấp 9,06m² thuộc quyền sở hữu hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn cũng thừa nhận đã lấn chiếm diện tích đất trên, nhưng qua biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ do Tòa án tiến hành vào ngày 23/3/2023 thể hiện trên thửa đất 762 bị đơn đã xây dựng nhà ở diện tích 5mx25m, kết cấu tường xây gạch, mái lợp tôn, nền lát gạch ceramic, phần giáp ranh với thửa 761 là tường gạch kiên cố cao 6m, dày 15cm. Do đó, nếu tháo dỡ phần diện tích đất 9,06m² sẽ ảnh hưởng đến kết cấu căn nhà, gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của bị đơn. Do đó, cần buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn bằng giá trị quyền sử dụng đất theo giá thị trường tại thời điểm thẩm định giá là phù hợp, giá trị phần diện tích đất 9,06m² theo chứng thư thẩm

định giá là 81.100.000 đồng. Tại phiên tòa bị đơn đồng ý thanh toán cho nguyên đơn số tiền 150.000.000 đồng tương đương với giá trị quyền sử dụng đất 9,06m². Xét đây là sự tự nguyện của bị đơn, sự tự nguyện của bị đơn không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và có lợi cho nguyên đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về chi phí tố tụng: Chi phí cho việc xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc, thẩm định giá tài sản là 10.210.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng và thanh toán xong nên buộc bị đơn trả lại cho nguyên đơn số tiền 10.210.000 đồng.

[4] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 164, 165, 166, 175, 176, 221 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 95, 99, 166, 170 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Hồng Hằng N về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” đối với bị đơn bà Phạm Thị Thu V.

Bà Phạm Thị Thu V được quyền sở hữu, sử dụng diện tích đất 9.06m², thuộc một phần thửa đất số 761, tờ bản đồ số 100, thị trấn N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (vị trí tại các điểm 2, 3, 6, 7 theo họa đồ đo đạc do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ thực hiện ngày 06/6/2023 đính kèm theo bản án).

Bà Phạm Thị Thu V có nghĩa vụ thanh toán cho bà Phạm Hồng Hằng N số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Bà N, bà V có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đúng với diện tích đất thực tế các bên đang sử dụng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc bà Phạm Thị Thu V phải trả cho bà Phạm Hồng Hằng N số tiền 10.210.000 đồng (Mười triệu hai trăm mười nghìn đồng).

3. Về án phí:

Buộc bà Phạm Thị Thu V phải chịu 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Phạm Hồng Hằng N số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí bà N đã nộp tại biên lai thu số 0008525 ngày 27 tháng 12 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để yêu cầu xét xử phúc thẩm, đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THA DS huyện Đ;
- Đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trần Thị Hằng